

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2020/DS-PT

Ngày: 06 - 7 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.
Ông Huỳnh Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 301/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Nguyễn Kim H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: khu 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Anh Nguyễn Đỗ Bảo C, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 107A-B, đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền được công chứng số 00691 ngày 26/6/2020 Văn phòng công chứng H) (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Đinh Nguyễn Kim H và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Ngày 15/4/2010 âm lịch, bà B vay của chị H 70.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi nào thu hồi vốn chị H báo trước. Mục đích bà B vay để đầu tư quán cà phê.

Ngày 15/12/2010 âm lịch, bà B vay tiếp chị H 30.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi nào thu hồi vốn chị H báo trước. Mục đích bà B vay để đầu tư bổ sung quán cà phê.

Ngày 04/6/2012 âm lịch, bà B vay tiếp chị H 230.000.000 đồng, lãi suất 12%/tháng, thời gian vay 01 tuần sẽ trả đủ vốn và lãi. Mục đích bà B vay để đảo hạn ngân hàng cho con gái bà B.

Các lần vay tiền đều có làm biên nhận tiền vay do chị H viết và bà B ký tên nhận nợ. Quá trình thực hiện, bà B chỉ trả được lãi của 02 khoản vay 70.000.000 đồng và 30.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày 04/6/2012 âm lịch, chưa trả lãi đối với khoản vay 230.000.000 đồng; vốn chưa trả. Chị H đòi nhiều lần nhưng bà B hứa hẹn kéo dài đến nay. Chị H yêu cầu bà B trả tổng số tiền vốn gốc của 03 khoản vay 330.000.000 đồng và tiền lãi của 02 khoản vay 70.000.000 đồng và 30.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 04/6/2012 âm lịch đến ngày xét xử.

Tại tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc 330.000.000 đồng và chi phí giám định tại Phân viện khoa học hình sự 2.800.000 đồng.

Thời gian trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Uyên trình bày:

Trước đây, bà B có tham gia góp hụi do chị H làm thảo. Quá trình góp hụi có khi bà B góp chậm trễ nên chị H cứ hốt dây hụi sau rồi trừ vào dây hụi trước. Do thời gian đã lâu, bà B cũng không có giấy tờ gì nên bà B không còn nhớ nợ chị H bao nhiêu tiền.

Bà B không có vay tiền của chị H như nguyên đơn trình bày, chữ ký trong các biên nhận tiền vay phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của bà B nên bà B không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị H.

- Bản án sơ thẩm số: 205/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện huyện G, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Nguyễn Kim H.

- Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Đinh Nguyễn Kim H số tiền vay 330.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Đinh Nguyễn Kim H số tiền chi phí giám định 2.800.000 đồng.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/11/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 205/2019/DSST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang vì cho rằng không có nợ tiền chị H nên không đồng ý trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Đỗ Bảo C là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B thay đổi yêu cầu kháng cáo. Anh C đề nghị chị H giảm bớt tiền nợ cho bà B 30.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng xin cho bà B trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng trả xong nợ.

Chị H đồng ý giảm nợ bà B 30.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng thì trả trong vòng 04 tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm cụ thể như sau:

- Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 06/9/2020 bà B phải trả cho chị H 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/10/2020 bà B phải trả cho chị H 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/11/2020 bà B phải trả cho chị H 100.000.000 đồng.

Riêng tiền chi phí giám định thì bà B phải trả cho chị H 2.800.000 đồng.

Anh C là người đại diện cho bà B đồng ý để bà B trả cho chị H 300.000.000 đồng tiền vay và 2.800.000 đồng chi phí giám định theo thời gian do chị H đưa ra.

Như vậy là các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng với trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng với luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được việc trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời

trình bày và tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị B thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được tiến hành xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn Nguyễn Thị B ủy quyền cho anh Nguyễn Đỗ Bảo C làm người đại diện tại phiên tòa phúc thẩm, việc ủy quyền đúng với Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 280, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn chị Đinh Nguyễn Kim H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả nguyên đơn 330.000.000 đồng tiền vay theo các biên nhận ngày 15/4/2010, 15/12/2010 và ngày 04/6/2012.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B không thừa nhận ký vào các biên nhận nợ mà chị H cung cấp nên không đồng ý trả tiền cho chị H. Bà B chỉ thừa nhận có tham gia góp hụi cho chị H làm chủ thảo, quá trình góp hụi đã lâu nên bà không nhớ nợ chị H bao nhiêu.

Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà B trả 330.000.000 đồng tiền vốn vay và 2.800.000 đồng chi phí giám định nhưng bà B không đồng ý nên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Xét thấy: Tại các biên nhận nợ do chị H cung cấp: biên nhận ngày 15/4/2010 âm lịch số tiền 70.000.000 đồng (bút lục 05), biên nhận ngày 15/12/2010 âm lịch số tiền 30.000.000 đồng (bút lục 05), biên nhận ngày 04/6/2012 âm lịch số tiền 230.000.000 đồng (bút lục 04), chị H trình bày chị viết nội dung và bà B có ký tên vào biên nhận. Bà B không thừa nhận ký tên vào các biên nhận trên và không có vay tiền của chị H. Tuy nhiên, kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh số 1570/C54B ngày 31/5/2018 (bút lục 82) và kết luận giám định của Viện khoa học hình sự-Bộ công an số 179/C09-P5 ngày 15/7/2019 (bút lục 210) đều cùng kết luận chữ ký “B” trong các biên nhận so với các mẫu so sánh đều cùng một người ký ra. Điều đó chứng tỏ bà B có ký vào các biên nhận do nguyên đơn cung cấp và việc vay tiền giữa các bên là có thật. Bà B cho rằng bà không vay tiền của chị H nhưng bà không chứng minh được các biên nhận tiền vay không phải chữ ký của bà. Theo các biên nhận ghi thời gian vay tiền là năm 2010 và năm 2012 nhưng chưa trả cho chị H. Bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các biên nhận vay nên chị H yêu cầu bà B trả tiền vốn 330.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Bà B kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị chị Đinh

Nguyễn Kim H giảm nợ cho bà B 30.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng xin được trả dần hàng tháng 50.000.000 đồng.

Theo nội dung thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, chị H đồng ý giảm nợ cho bà B 30.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng thì cho trả trong thời hạn 04 tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của Luật, vào không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi nên căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà B được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Đinh Nguyễn Kim H với anh Nguyễn Đỗ Bảo C là người đại diện cho bà Nguyễn Thị B tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 205/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 của Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Nguyễn Kim H.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Đinh Nguyễn Kim H với anh Nguyễn Đỗ Bảo C là người đại diện cho bà Nguyễn Thị B về việc chị H đồng ý để bà B trả cho chị 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) với thời gian trả nợ như sau:

- Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 06/9/2020 bà B trả cho chị H 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/10/2020 bà B trả cho chị H 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/11/2020 bà B trả cho chị H 100.000.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị B phải trả cho chị H 2.800.000 đồng tiền chi phí giám định.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà B chậm thi hành án như đã thỏa thuận thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại cho chị H phải chịu 9.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 38973 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2020-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải